

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023
"Dự toán bổ sung năm 2023 để thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và thực hiện chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2022 - 2023"

(Kèm theo Quyết định số /SGDDT-KHTC ngày tháng 6 năm 2023 của Sở GD&ĐT Nam Định)

Stt	Đơn vị	Tổng số được giao			Tổng số đã được phân bổ		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ		Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề						
	Tổng cộng	2.198.813.440	1.222.789.000	976.024.440	2.198.813.440	1.222.789.000	976.024.440
I	Chi SNGD L070 - K074	2.104.344.440	1.186.454.000	917.890.440	2.104.344.440	1.186.454.000	917.890.440
1	THPT Giao Thủy	51.194.888	29.520.000	21.674.888	51.194.888	29.520.000	21.674.888
2	THPT Giao Thủy B	65.925.000	39.375.000	26.550.000	65.925.000	39.375.000	26.550.000
3	THPT Giao Thủy C	54.772.444	30.510.000	24.262.444	54.772.444	30.510.000	24.262.444
4	THPT Quất Lâm	55.738.000	30.060.000	25.678.000	55.738.000	30.060.000	25.678.000
5	THPT Xuân Trường	25.530.000	18.180.000	7.350.000	25.530.000	18.180.000	7.350.000
6	THPT Xuân Trường B	25.605.000	18.855.000	6.750.000	25.605.000	18.855.000	6.750.000
7	THPT Xuân Trường C	22.770.000	16.920.000	5.850.000	22.770.000	16.920.000	5.850.000
8	THPT Nguyễn Trường Thi	24.195.000	20.295.000	3.900.000	24.195.000	20.295.000	3.900.000
9	THPT A Hải Hậu	63.270.000	35.370.000	27.900.000	63.270.000	35.370.000	27.900.000
10	THPT Vũ Văn Hiếu	79.882.444	38.520.000	41.362.444	79.882.444	38.520.000	41.362.444
11	THPT B Hải Hậu	82.222.444	44.460.000	37.762.444	82.222.444	44.460.000	37.762.444
12	THPT C Hải Hậu	56.955.000	31.005.000	25.950.000	56.955.000	31.005.000	25.950.000
13	THPT Thịnh Long	27.285.000	15.885.000	11.400.000	27.285.000	15.885.000	11.400.000
14	THPT Trần Quốc Tuấn	102.901.444	34.605.000	68.296.444	102.901.444	34.605.000	68.296.444
15	THPT An Phúc	59.400.000	31.500.000	27.900.000	59.400.000	31.500.000	27.900.000
16	THPT Trực Ninh	28.134.000	26.784.000	1.350.000	28.134.000	26.784.000	1.350.000
17	THPT Trực Ninh B	30.975.000	26.325.000	4.650.000	30.975.000	26.325.000	4.650.000

Stt	Đơn vị	Tổng số được giao			Tổng số đã được phân bổ		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ		Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ
18	THPT Nguyễn Trãi	43.545.000	32.445.000	11.100.000	43.545.000	32.445.000	11.100.000
19	THPT Lê Quý Đôn	27.420.000	21.420.000	6.000.000	27.420.000	21.420.000	6.000.000
20	THPT Lý Tự Trọng	54.660.000	36.360.000	18.300.000	54.660.000	36.360.000	18.300.000
21	THPT Nam Trực	30.060.000	25.560.000	4.500.000	30.060.000	25.560.000	4.500.000
22	THPT Nguyễn Du	33.975.000	25.425.000	8.550.000	33.975.000	25.425.000	8.550.000
23	THPT Trần Văn Bảo	34.380.000	21.330.000	13.050.000	34.380.000	21.330.000	13.050.000
24	THPT A Nghĩa Hưng	40.830.000	28.980.000	11.850.000	40.830.000	28.980.000	11.850.000
25	THPT Nghĩa Minh	45.065.444	21.375.000	23.690.444	45.065.444	21.375.000	23.690.444
26	THPT B Nghĩa Hưng	38.803.000	23.175.000	15.628.000	38.803.000	23.175.000	15.628.000
27	THPT C Nghĩa Hưng	39.510.000	30.060.000	9.450.000	39.510.000	30.060.000	9.450.000
28	THPT Trần Nhân Tông	31.012.444	19.800.000	11.212.444	31.012.444	19.800.000	11.212.444
29	THPT Lê Hồng Phong	22.150.000	20.800.000	1.350.000	22.150.000	20.800.000	1.350.000
30	THPT Trần Hưng Đạo	33.775.000	23.725.000	10.050.000	33.775.000	23.725.000	10.050.000
31	THPT Nguyễn Khuyến	56.110.444	29.120.000	26.990.444	56.110.444	29.120.000	26.990.444
32	THPT Ngô Quyền	56.935.000	42.835.000	14.100.000	56.935.000	42.835.000	14.100.000
33	THPT Nguyễn Huệ	26.625.000	20.475.000	6.150.000	26.625.000	20.475.000	6.150.000
34	THPT Hoàng Văn Thụ	28.603.000	14.175.000	14.428.000	28.603.000	14.175.000	14.428.000
35	THPT Lương Thế Vinh	15.720.000	13.320.000	2.400.000	15.720.000	13.320.000	2.400.000
36	THPT Nguyễn Bính	13.275.000	9.225.000	4.050.000	13.275.000	9.225.000	4.050.000
37	THPT Nguyễn Đức Thuận	23.068.000	9.990.000	13.078.000	23.068.000	9.990.000	13.078.000
38	THPT Tống Văn Trân	47.145.000	35.145.000	12.000.000	47.145.000	35.145.000	12.000.000
39	THPT Phạm Văn Nghị	79.702.444	46.890.000	32.812.444	79.702.444	46.890.000	32.812.444
40	THPT Mỹ Tho	76.620.000	46.620.000	30.000.000	76.620.000	46.620.000	30.000.000
41	THPT Lý Nhân Tông	48.718.000	26.190.000	22.528.000	48.718.000	26.190.000	22.528.000
42	THPT Đại An	48.493.000	21.465.000	27.028.000	48.493.000	21.465.000	27.028.000
43	THPT Đỗ Huy Liêu	35.760.000	24.210.000	11.550.000	35.760.000	24.210.000	11.550.000
44	THPT Mỹ Lộc	36.883.000	15.705.000	21.178.000	36.883.000	15.705.000	21.178.000
45	THPT Trần Văn Lan	19.965.000	12.465.000	7.500.000	19.965.000	12.465.000	7.500.000
46	Văn phòng Sở GD&ĐT	158.780.000	0	158.780.000	158.780.000	0	158.780.000
1	THPT Thiên Trường	43.155.000		43.155.000	43.155.000		43.155.000

Stt	Đơn vị	Tổng số được giao			Tổng số đã được phân bổ		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ		Kinh phí thường xuyên chưa giao tự thủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự thủ
2	THPT Tô Hiến Thành	16.500.000		16.500.000	16.500.000		16.500.000
3	THPT Nghĩa Hưng	2.925.000		2.925.000	2.925.000		2.925.000
4	THPT Nguyễn Công Trứ	4.745.000		4.745.000	4.745.000		4.745.000
5	THPT Phan Bội Châu	9.270.000		9.270.000	9.270.000		9.270.000
6	THPT Trần Nhật Duật	17.880.000		17.880.000	17.880.000		17.880.000
7	THPT Trần Quang Khải	8.580.000		8.580.000	8.580.000		8.580.000
8	THPT Cao Phong	8.910.000		8.910.000	8.910.000		8.910.000
9	THPT Ý Yên	14.460.000		14.460.000	14.460.000		14.460.000
10	THPT Quang Trung	30.375.000		30.375.000	30.375.000		30.375.000
11	THPT Đoàn Kết	1.980.000		1.980.000	1.980.000		1.980.000
12	THPT Hùng Vương	-	-	-	-	-	-
II	Chi SNGD L070 - K075	94.469.000	36.335.000	58.134.000	94.469.000	36.335.000	58.134.000
47	TTGDTX tỉnh Nam Định	37.558.000	18.330.000	19.228.000	37.558.000	18.330.000	19.228.000
48	TTGDTX Trần Phú	56.911.000	18.005.000	38.906.000	56.911.000	18.005.000	38.906.000